

---

# NHỮNG KHÁC BIỆT TRONG TÁC ĐỘNG CỦA ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP NƯỚC NGOÀI ĐẾN NĂNG SUẤT CỦA CÁC KHU VỰC DOANH NGHIỆP VIỆT NAM

**Phạm Hồng Chương**

*Trường Đại học Kinh tế Quốc dân*

*Email: chuongph@neu.edu.vn*

**Hồ Đình Bảo**

*Trường Đại học Kinh tế Quốc dân*

*Email: baohd@neu.edu.vn*

Ngày nhận: 05/3/2021

Ngày nhận bản sửa: 10/5/2021

Ngày duyệt đăng: 15/5/2021

## **Tóm tắt**

*Nghiên cứu này phân tích tác động của khu vực đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) tới năng suất của các khu vực doanh nghiệp Việt Nam với dữ liệu Điều tra doanh nghiệp Việt Nam giai đoạn 2010-2018. Phương pháp phân tích biên ngẫu nhiên được dùng để phân rã năng suất nhân tố tổng hợp và mô hình GMM và ước lượng các kênh tác động của FDI đến năng suất và các thành phần của nó trong các khu vực doanh nghiệp trong nước. Kết quả cho thấy FDI có tác động lan tỏa tích cực tới năng suất và thay đổi công nghệ của doanh nghiệp trong nước thông qua liên kết ngược, nhưng tác động này là tiêu cực thông qua liên kết xuôi. Bên cạnh đó, sự hiện diện của doanh nghiệp FDI không tác động tới năng suất của doanh nghiệp nhà nước và tác động tiêu cực tới doanh nghiệp tư nhân. Điều này hàm ý rằng cần thay đổi chính sách phù hợp với từng khu vực doanh nghiệp nhằm thúc đẩy liên kết giữa khu vực FDI với khối doanh nghiệp trong nước, đặc biệt là khu vực tư nhân.*

**Từ khóa:** FDI, Năng suất, Hiệu quả kỹ thuật, Tiến bộ công nghệ, GMM

**Mã JEL:** F21, F23

## **Differences in impacts of foreign direct investment on productivity of Vietnamese firms**

### **Abstract:**

*This study analyzes the impact of foreign direct investment (FDI) on the productivity of Vietnamese firms, using the Vietnam Enterprise Survey data in the period of 2010-2018. The study uses stochastic frontier analysis to decompose the total factor productivity and GMM model to estimate impacts of FDI on productivity and its components of different sectors of Vietnamese firms. The results show that FDI has a positive spillover effect on productivity and technological change of domestic firms through backward linkage, but this impact is negative through forward linkage. In addition, the presence of FDI enterprises does not affect the productivity of state-owned firms, but negatively affects private firms. This suggests that changes in supportive policies are needed for different sectors of domestic firms to promote the link between the FDI area with those firms, especially with private sector.*

**Keywords:** FDI, Productivity, Technical efficiency, Technical change, GMM

**JEL Code:** F21, F23

---

## 1. Mở đầu

Thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) là một chính sách quan trọng trong chiến lược nâng cao năng suất tại các quốc gia đang phát triển. Các doanh nghiệp FDI được kỳ vọng mang lại công nghệ, vốn, kỹ năng, kinh nghiệm quản trị hiệu quả, từ đó có tác động tích cực tới năng suất của các doanh nghiệp trong nước. Tuy nhiên, những bằng chứng thực nghiệm cho thấy tác động tích cực này của FDI không rõ ràng (Hồ Đình Bảo, 2020). Aitken & Harrison (1999) nghiên cứu trường hợp Venezuela cho thấy các doanh nghiệp FDI ảnh hưởng tiêu cực tới năng suất của các doanh nghiệp trong nước. Nghiên cứu khác của Lin & cộng sự (2009) về doanh nghiệp Trung Quốc cho thấy tác động của liên kết ngang phụ thuộc vào xuất xứ vốn đầu tư nước ngoài, và tác động tổng thể không rõ ràng.

Kể từ sau Đổi mới, khu vực doanh nghiệp FDI đã phát triển mạnh mẽ và trở thành một động lực quan trọng của nền kinh tế Việt Nam. Tuy nhiên, dòng vốn FDI vẫn chủ yếu tập trung trong những ngành sử dụng nhiều tài nguyên và lao động, liên kết với các doanh nghiệp trong nước rất hạn chế. Thực tiễn này đặt ra vấn đề cần phải có nghiên cứu chuyên sâu, đánh giá cập nhật và đầy đủ về tác động của FDI tới năng suất của các doanh nghiệp trong nước. Khu vực, loại hình, quy mô doanh nghiệp nào nhận được tác động tích cực? Khu vực loại hình, quy mô nào bị ảnh hưởng tiêu cực? Cơ chế tác động nào cho các khu vực, loại hình và quy mô đó? Trên cơ sở đó đưa ra các hàm ý chính sách phù hợp cho từng khu vực, loại hình và quy mô khác nhau.

Nghiên cứu này sử dụng phương pháp phân tích biên ngẫu nhiên (SFA) để phân rã các thành phần của năng suất nhân tố tổng hợp (TFP), từ đó đánh giá chi tiết hơn tác động của FDI tới năng suất của các khu vực doanh nghiệp Việt Nam.

Trong nghiên cứu này, chúng tôi sử dụng phương pháp hồi quy GMM dựa trên dữ liệu mảng từ các cuộc điều tra doanh nghiệp giai đoạn 2010-2018 để đánh giá tác động của FDI tới năng suất của các doanh nghiệp trong nước. Ngoài ra, chúng tôi chia mẫu nghiên cứu theo vùng, quy mô doanh nghiệp, loại hình sở hữu, nguồn gốc đầu tư, hình thức đầu tư, trình độ công nghệ để xem xét các yếu tố ảnh hưởng tới khả năng hấp thụ tác động từ FDI của các doanh nghiệp trong nước.

Nghiên cứu này gồm 5 phần: (i) Mở đầu; (ii) Tổng quan nghiên cứu; (iii) Phương pháp nghiên cứu và số liệu; (iv) Kết quả thực nghiệm; và (v) Kết luận.

## 2. Tổng quan nghiên cứu

Các nghiên cứu phân chia tác động của FDI tới doanh nghiệp trong nước thành 2 hiệu ứng: lan tỏa ngang và lan tỏa dọc. Lan tỏa ngang là hiệu ứng từ các doanh nghiệp FDI tới các doanh nghiệp trong nước trong cùng ngành. Lan tỏa dọc là hiệu ứng từ doanh nghiệp FDI tới doanh nghiệp trong ngành được liên kết với ngành hoạt động của doanh nghiệp FDI trong chuỗi cung ứng. Lan tỏa dọc bao gồm lan tỏa ngược - từ doanh nghiệp FDI tới doanh nghiệp thượng nguồn, và lan tỏa xuôi - từ doanh nghiệp FDI tới doanh nghiệp hạ nguồn.

Lan tỏa ngang có thể tích cực hoặc tiêu cực. Sự tồn tại của hiệu ứng này phụ thuộc vào mức độ chuyên giao và rò rỉ công nghệ của doanh nghiệp FDI tới doanh nghiệp trong nước. Nếu các doanh nghiệp FDI không chuyên giao và không để rò rỉ công nghệ thì không có hiệu ứng lan tỏa. Các nghiên cứu thực nghiệm cho thấy lan tỏa ngang từ doanh nghiệp FDI tới doanh nghiệp trong nước tại các quốc gia đang phát triển là hạn chế (Aitken & Harrison, 1999; Blalock & Gertler, 2008; Javorcik, 2004), điều này trái ngược với bằng chứng từ các quốc gia phát triển (Keller và Yeaple, 2003; Haskel & cộng sự, 2002; Liu & cộng sự, 2000). Tại các quốc gia đang phát triển, doanh nghiệp trong nước và doanh nghiệp FDI hoạt động trên các thị trường khác nhau: doanh nghiệp trong nước cung ứng hàng hóa cho thị trường nội địa với nhu cầu chất lượng thấp và trung bình, ngược lại doanh nghiệp FDI hướng tới thị trường quốc tế, cung cấp hàng hóa chất lượng cao (Liang, 2017). Ngoài ra, doanh nghiệp trong nước thường gặp phải giới hạn trong năng lực hấp thụ công nghệ mới và kỹ năng quản trị từ các tập đoàn đa quốc gia (Blalock & Gertler, 2008).

Lan tỏa tích cực có thể xảy ra giữa các ngành liên kết dọc, thông qua liên kết ngược khi doanh nghiệp FDI chuyên giao công nghệ cho nhà cung cấp địa phương hoặc thông qua liên kết xuôi khi doanh nghiệp trong nước nhận được đầu vào chất lượng cao từ các doanh nghiệp FDI. Doanh nghiệp FDI trong ngành thượng nguồn có thể sản xuất linh kiện và thiết bị với chất lượng cao hơn, có thể cung cấp hỗ trợ cho doanh nghiệp

trong nước khi họ mua thiết bị. Do đó doanh nghiệp trong nước ở hạ nguồn có thể cải thiện năng suất khi có sự tham gia của doanh nghiệp FDI ở thượng nguồn (Blalock & Gertler, 2008; Liang, 2017). Lan tỏa xuôi có thể là tiêu cực nếu sản phẩm của doanh nghiệp FDI quá đắt hay quá phức tạp về mặt kỹ thuật để các doanh nghiệp trong nước có thể sử dụng (Javorcik, 2004).

Nhiều nghiên cứu cũng chỉ ra các yếu tố ảnh hưởng tới hiệu ứng lan tỏa của khu vực FDI: (i) Nếu khoảng cách công nghệ là quá lớn thì các doanh nghiệp trong nước sẽ ít có khả năng bắt chước hay thu nạp các tri thức từ doanh nghiệp FDI (Blalock & Gertler, 2009; Sawada, 2010); (ii) Tại những quốc gia độ mở thương mại lớn các doanh nghiệp trong nước có khả năng tích lũy được kinh nghiệm khi tương tác với các đối tác quốc tế, do đó gia tăng khả năng hấp thụ tác động tích cực từ các doanh nghiệp FDI (Leshner & Miroudot, 2008); và (iii) Hình thức đầu tư, Javorcik (2004) cho rằng hình thức liên doanh có hiệu quả hơn so với hình thức 100% vốn nước ngoài trong việc chuyển giao công nghệ tới doanh nghiệp trong nước. Các doanh nghiệp liên doanh có xu hướng tìm kiếm đầu vào từ các nguồn trong nước, trong khi đó các doanh nghiệp 100% vốn nước ngoài có xu hướng sử dụng đầu vào nhập khẩu. Ngoài ra, các nghiên cứu cũng đề cập tới nhiều yếu tố khác như: vốn con người (Narula & Marin, 2003), mức độ phát triển tài chính (Alfaro & cộng sự, 2004), tính tương đồng về văn hóa giữa quốc gia xuất xứ và quốc gia tiếp nhận (Crespo & Fontoura, 2007).

Một số nghiên cứu về Việt Nam cho thấy FDI đóng vai trò quan trọng trong chuyển giao công nghệ cho các doanh nghiệp trong nước do đó ảnh hưởng tích cực tới nền kinh tế (Lê Quốc Hội, 2008; Nguyễn Thị Tuệ Anh, 2009; Hồ Đình Bảo, 2020).

Sử dụng số liệu Điều tra doanh nghiệp giai đoạn 2003-2007, Hoang và Pham (2010) chỉ ra rằng FDI tác động tích cực tới năng suất của doanh nghiệp trong nước, đặc biệt trong việc thu hẹp khoảng cách công nghệ và cải thiện chất lượng lao động. Nghiên cứu của Nguyen Dinh Chuc & cộng sự (2008) cho thấy liên kết ngược là kênh lan tỏa tích cực của FDI, các doanh nghiệp trong nước có thể tiếp cận đầu vào rẻ hơn, với chất lượng cao hơn từ các doanh nghiệp FDI. Nghiên cứu của Nguyen Phi Lan (2008) cho thấy trong giai đoạn 2000-2005, các kênh liên kết ngang và liên kết ngược mang lại tác động cải thiện năng suất của các doanh nghiệp chế biến chế tạo Việt Nam, trong khi đó liên kết xuôi tác động tiêu cực.

### 3. Phương pháp nghiên cứu và số liệu

#### 3.1. Phương pháp nghiên cứu

Để phân rã sự thay đổi về năng suất, nghiên cứu này sử dụng phương pháp ước lượng biên ngẫu nhiên (SFA), theo đó chỉ số năng suất nhân tố tổng hợp (TFP) được phân tách thành: tiến bộ công nghệ (TC), hiệu quả kỹ thuật (TE) và hiệu quả quy mô (SE).

Chúng tôi sử dụng hàm sản xuất translog trong phương pháp SFA để ước lượng tiến bộ công nghệ, hiệu quả kỹ thuật và hiệu quả quy mô:

$$\ln Y_{it} = \beta_0 + \beta_k \ln K_{it} + \beta_l \ln L_{it} + \beta_t t + \beta_k (\ln K_{it})^2 + \beta_l (\ln L_{it})^2 + \beta_{kl} (\ln L_{it} \ln K_{it}) + \beta_{tt} t^2 + \beta_{it} \ln L_{it} t + \beta_{kt} \ln K_{it} t + v_{it} - u_{it}$$

Trong đó:

$Y$  là đầu ra của doanh nghiệp  $i$  tại thời kỳ  $t$

$K$  và  $L$  là vốn và lao động của doanh nghiệp  $i$  tại thời kỳ  $t$

$t$  là thời gian

$u_{it} \geq 0$  là thành phần phi hiệu quả kỹ thuật của doanh nghiệp  $i$  tại thời kỳ  $t$ .

$v_{it}$  là phần dư ngẫu nhiên.

Đóng góp của tiến bộ công nghệ vào TFP được tính theo công thức:

$$\Delta TC = \hat{\beta}_t + \hat{\beta}_{it} + \hat{\beta}_{kt} \ln L_{it} + \hat{\beta}_{lt} \ln K_{it}$$

Để ước lượng tác động của FDI đến năng suất nhân tố tổng hợp và các thành phần của nó của doanh nghiệp trong nước, chúng tôi sử dụng phương pháp ước lượng GMM (Arellano & Bond, 1991). Về nguyên tắc, biến FDI được coi là nội sinh, và mô hình sẽ dùng các biến công cụ là các biến trễ và toàn bộ các biến

ngoại sinh khác.

<i>Biến số</i>	<i>Định nghĩa</i>	<i>Nguồn số liệu</i>
<i>Biến phụ thuộc</i>		
TFP	Năng suất nhân tố tổng hợp	Tính toán bằng các phương pháp Levison – Petrin và SFA từ số liệu điều tra doanh nghiệp của Tổng cục thống kê
TC	Tiến bộ công nghệ	
TE	Hiệu quả kỹ thuật	
SE	Hiệu quả quy mô	
<i>Biến độc lập</i>		
HHI	Chỉ số đo lường độ tập trung của ngành. Tính bằng tổng bình phương thị phần của các doanh nghiệp trong cùng ngành.	Tính toán từ số liệu điều tra doanh nghiệp của Tổng cục thống kê và Bảng I-O 2012
Tỷ lệ vốn/lao động	Tỷ lệ vốn trên mỗi lao động của doanh nghiệp	
Hiện diện DN FDI (lan tỏa ngang)	$Hor\_FDI_{jt} = \frac{\sum_{v \in j} FS\_FDI_{ijt} \times y_{ij,t}}{\sum_{v \in j} Y_{ij,t}}$ <p>Trong đó: <math>FS\_FDI_{ijt}</math> là tỷ trọng vốn của DN FDI <math>i</math>, ngành <math>j</math>, thời điểm <math>t</math>  <math>y_{j,t}</math> là tổng đầu ra trên lao động của DN FDI <math>i</math> của ngành <math>j</math> tại thời điểm <math>t</math>  <math>Y_{i,t}</math>: là tổng đầu ra trên lao động của ngành <math>j</math> tại thời điểm <math>t</math></p>	
Lan tỏa ngược	<p>Hiệu ứng lan tỏa ngược của DN FDI trong ngành.</p> $Back\_FDI_{jt} = \sum_{k \text{ khi } k \neq j} \alpha_{jk} Hor\_FDI_{kt}$ <p>Trong đó: <math>\alpha_{jk}</math> là tỷ trọng của sản lượng ngành <math>j</math> được cung cấp cho ngành <math>k</math></p>	
Lan tỏa xuôi	<p>Hiệu ứng lan tỏa xuôi của DN FDI trong ngành</p> $For\_FDI_{jt} = \sum_{l \text{ khi } l \neq j} \delta_{jl} * Hor\_FDI_{lt}$ <p>Trong đó: <math>\delta_{jl}</math> là phần tỷ lệ của đầu vào của ngành công nghiệp <math>k</math> mua từ ngành <math>l</math> ở thời điểm <math>t</math>.</p>	

### 3.2. Số liệu

Nghiên cứu sử dụng Bảng I-O 2012 để tính toán các chỉ số liên quan đến lan tỏa ngang và lan tỏa dọc của các ngành trong nền kinh tế. Từ các hệ số lan tỏa này để tính toán đến các kênh lan tỏa của doanh nghiệp FDI tới doanh nghiệp trong nước.

Các biến còn lại trong mô hình được tính toán từ dữ liệu Điều tra doanh nghiệp 2010 - 2018 của Tổng cục Thống kê.

## 4. Kết quả thực nghiệm

### 4.1. Tác động lan tỏa của FDI chung cho toàn bộ mẫu

Kết quả ước lượng đối với mức độ tập trung của ngành cho thấy ngành càng tập trung thì các doanh

ngành trong ngành càng ít có cơ hội cải thiện năng suất. Mức độ trang bị vốn trên một lao động có tác động làm tăng năng suất. Sự hiện diện của FDI trong ngành thể hiện tác động tiêu cực của FDI tới TFP của doanh nghiệp nội địa trong cùng ngành. Kết quả này thống nhất với một số nghiên cứu trước đây về tác động tiêu cực của FDI khi cho rằng tăng trưởng TFP phụ thuộc chủ yếu vào tiến bộ công nghệ, trong khi FDI có tác động tiêu cực tới thay đổi công nghệ của doanh nghiệp trong nước (Nguyễn Thị Tuệ Anh, 2015). Tuy nhiên, độ trễ của sự hiện diện của FDI có tác động dương tới tiến bộ công nghệ và âm tới hiệu quả quy mô. Như vậy, hiện diện của FDI về lâu dài có thể mang lại lan tỏa tích cực về công nghệ cho doanh nghiệp trong nước.

Theo Aitken & Harrison (1999), tác động tiêu cực này của FDI là hệ quả của tác động cạnh tranh trong ngắn hạn giữa doanh nghiệp trong nước và doanh nghiệp FDI. Trong bối cảnh Việt Nam, doanh nghiệp trong nước thường bị thua thiệt khi cạnh tranh, tăng chi phí trung bình, lợi nhuận giảm, vì vậy làm giảm cơ hội để cải thiện năng suất do khó hoặc không thể đầu tư để đổi mới công nghệ, mặc dù về dài hạn doanh nghiệp trong nước vẫn có thể thu được tác động tích cực từ dịch chuyển dòng lao động có kỹ năng.

Khác với tiến bộ công nghệ, tác động tiêu cực đối với hiệu quả kỹ thuật có giảm trong dài hạn nhưng không có bằng chứng cho thấy tác động tích cực. Ngược lại tác động đối với hiệu quả quy mô là tích cực trong ngắn hạn nhưng về tiêu cực trong dài hạn.

Xem xét tác động theo chiều dọc, kết quả ước lượng cho thấy các doanh nghiệp trong nước nhận

**Bảng 1. Tác động FDI tới lan tỏa năng suất cho toàn mẫu**

Biến số	(1) TFP	(2) TE	(3) TC	(4) SE
Độ trễ TFP	0.02*** (0.01)			
HHI	-0.05*** (0.00)	0.16*** (0.00)	-0.09*** (0.01)	0.03*** (0.00)
Tỷ lệ vốn/lao động	0.01*** (0.00)	0.02*** (0.00)	0.01*** (0.00)	-0.01*** (0.00)
Hiện diện DN FDI	-0.14*** (0.04)	-0.12** (0.06)	-0.16 (0.10)	0.08*** (0.03)
Độ trễ hiện diện DN FDI	-0.02 (0.03)	-0.00 (0.04)	0.49*** (0.08)	-0.07*** (0.02)
Lan tỏa ngược	0.26*** (0.03)	-0.19*** (0.05)	0.33*** (0.10)	-0.13*** (0.03)
Độ trễ lan tỏa ngược	0.03 (0.03)	0.01 (0.04)	-0.55*** (0.08)	0.08*** (0.02)
Lan tỏa xuôi	-0.13*** (0.01)	0.24*** (0.01)	-0.13*** (0.02)	0.05*** (0.01)
Độ trễ lan tỏa xuôi	-0.03*** (0.00)	-0.05*** (0.01)	0.11*** (0.01)	-0.01* (0.00)
Độ trễ TE		0.39*** (0.00)		
Độ trễ TC			0.46*** (0.00)	
Độ trễ SE				0.49*** (0.00)
Hằng số	0.71*** (0.02)	0.66*** (0.02)	-0.87*** (0.05)	0.57*** (0.01)
Số quan sát	572,197	548,256	215,782	215,080

Trong ngoặc đơn là sai số chuẩn; Mức ý nghĩa: \*\*\* p<0.01, \*\* p<0.05, \* p<0.1

Nguồn: Tính toán của các tác giả từ số liệu Điều tra Doanh nghiệp 2010-2018.

được tác động tích cực từ lan tỏa ngược và tiêu cực từ lan tỏa xuôi. Đối với lan tỏa ngược có ảnh hưởng dương đối với năng suất, tiến bộ công nghệ và âm đối với hiệu quả kỹ thuật và hiệu quả quy mô. Như vậy, FDI có tác động lan tỏa tích cực từ liên kết ngược tới năng suất và thay đổi công nghệ của doanh nghiệp trong nước. Điều này hàm ý rằng, khi đầu tư nước ngoài tăng cũng kéo theo nhu cầu về hàng hóa trung gian tăng, mở ra cơ hội cho doanh nghiệp trong nước thu được tác động lan tỏa năng suất tích cực do thay đổi công nghệ nhờ liên kết cung ứng đầu vào cho doanh nghiệp FDI.

Tác động tiêu cực của lan tỏa xuôi phản ánh thực tế hiện nay là doanh nghiệp trong nước rất ít khi mua đầu vào trung gian của doanh nghiệp FDI. Còn nếu mua được thì sản phẩm của doanh nghiệp FDI thường có giá cao hơn và không hẳn tương thích, trong khi doanh nghiệp trong nước chưa điều chỉnh hay nâng cấp công nghệ để phát huy được các tác động tích cực. Một cách giải thích khác đó là doanh nghiệp FDI tác động tiêu cực tới năng suất của các nhà cung cấp trong nước cùng ngành, nên có thể lan truyền đến doanh nghiệp ở hạ nguồn, sản xuất sản phẩm cuối cùng.

Như vậy, ước lượng cho thấy có tác động tích cực năng suất nhờ lan tỏa ngược, tức là một số doanh nghiệp FDI đã mua một số đầu vào từ doanh nghiệp trong nước. Qua đó tác động đến năng suất của các doanh nghiệp này. Đây được coi là một kết quả tốt đối với Việt Nam. Trong khi đó, doanh nghiệp trong nước vẫn chưa thu được tác động tích cực từ lan tỏa xuôi. Điều này trái với lý thuyết rằng doanh nghiệp trong nước sẽ được lợi nhờ mua đầu vào từ doanh nghiệp nước ngoài do chất lượng của đầu vào cao hơn, hoặc có nhiều chủng loại hơn hoặc những trợ giúp kỹ thuật mà doanh nghiệp nước ngoài sẽ chuyển giao cho khách hàng của họ. Một nguyên nhân, như đã nêu ở trên, là khoảng cách về công nghệ giữa doanh nghiệp trong nước và doanh nghiệp FDI. Theo đó tác động lan tỏa loại này có thể chỉ xảy ra ở một vài doanh nghiệp trong nước có tương thích về trình độ công nghệ, chứ không phải số đông doanh nghiệp. Thực tế này phù hợp với Việt Nam khi mà liên kết sản xuất chủ yếu diễn ra giữa doanh nghiệp FDI với nhau, rất ít với doanh nghiệp trong nước.

Kết quả ước lượng đối với biến trễ của lan tỏa ngược cho thấy các doanh nghiệp trong nước tuy thu được tác động lan tỏa tích cực của FDI tới thay đổi công nghệ và hiệu quả quy mô, nhưng mức độ tác động có xu hướng giảm đi. Lý do có thể là do vấn đề “loại trừ” về cung cấp hàng hóa trung gian như miêu tả trong Lin & Saggi (2005), cũng như do mối quan hệ giữa khả năng thỏa thuận và lợi ích đạt

**Bảng 2. Tác động FDI tới lan tỏa năng suất theo quy mô doanh nghiệp**

	DN siêu nhỏ				DN nhỏ			
	TFP	TE	TC	SE	TFP	TE	TC	SE
Hiện diện DN FDI	-0.19***	-0.18**	0.02	0.07	-0.09**	-0.08	-0.35***	0.09***
Độ trễ hiện diện DN FDI	-0.01	0.04	0.49***	-0.10**	-0.05	-0.12**	0.30***	-0.01
Lan tỏa ngược	0.33***	-0.20***	0.38*	-0.21***	0.17***	-0.11*	0.46***	-0.13***
Độ trễ lan tỏa ngược	0.02	-0.02	-0.59***	0.11***	0.06	0.11**	-0.33***	0.01
Lan tỏa xuôi	-0.16***	0.31***	-0.35***	0.13***	-0.09***	0.14***	-0.07***	0.03***
Độ trễ lan tỏa xuôi	-0.04***	-0.07***	0.19***	-0.03***	-0.02***	-0.01*	0.05***	0.00
	DN vừa				DN lớn			
	TFP	TE	TC	SE	TFP	TE	TC	SE
Hiện diện DN FDI	-0.11***	-0.06	-0.37***	0.10***	-0.15	-0.39**	0.25	0.00
Độ trễ hiện diện DN FDI	-0.04	-0.10**	0.34***	-0.02	0.24	0.27	0.79	0.12
Lan tỏa ngược	0.18***	-0.10	0.49***	-0.13***	0.16	0.11	-0.20	-0.02
Độ trễ lan tỏa ngược	0.05	0.09*	-0.38***	0.02	-0.23	-0.22	-0.89	-0.12
Lan tỏa xuôi	-0.08***	0.11***	-0.08***	0.03***	-0.02	0.24***	0.02	0.01
Độ trễ lan tỏa xuôi	-0.02***	-0.01	0.07***	0.00	-0.02	-0.07***	0.08	0.02

Trong ngoặc đơn là sai số chuẩn; Mức ý nghĩa: \*\*\* p<0.01, \*\* p<0.05, \* p<0.1

Nguồn: Tính toán của các tác giả từ số liệu Điều tra Doanh nghiệp 2010-2018.

được mô tả trong Driffield và Love (2006). Vấn đề “loại trừ” có nghĩa là doanh nghiệp trong nước khi cung cấp đầu vào cho doanh nghiệp FDI sẽ phải tuân thủ một số quy định chặt chẽ hơn về tỷ lệ được bán cho các doanh nghiệp trong nước khác nhằm làm giảm khả năng rò rỉ công nghệ. Vì vậy, không phải tất cả các nhà cung cấp trong nước đều thu được lợi ích từ doanh nghiệp nước ngoài. Chỉ những nhà cung cấp được chuyên môn hóa và chấp nhận làm nhà cung cấp độc quyền mới có thể tiếp nhận được tác động tích cực này. Đây chính là vấn đề chênh lệch về trình độ công nghệ và quản lý của doanh nghiệp.

#### 4.2. Tác động lan tỏa của FDI theo quy mô doanh nghiệp

Kết quả tác động lan tỏa từ FDI theo các nhóm quy mô doanh nghiệp là khá tương đồng so với ước lượng chung cho toàn mẫu. Theo đó, hiện diện của doanh nghiệp FDI có tác động tiêu cực tới năng suất của doanh nghiệp trong nước trong hầu hết các nhóm theo quy mô.

Hiện diện của các doanh nghiệp FDI có tác động tiêu cực tới tiến bộ công nghệ của doanh nghiệp nhỏ và vừa nhưng không tác động trong trường hợp doanh nghiệp siêu nhỏ và lớn. Không có bằng chứng cho thấy tác động lan tỏa ngược của FDI tới năng suất của doanh nghiệp trong nước trong trường hợp doanh nghiệp lớn nhưng có tác động tích cực đối với các doanh nghiệp còn lại. Bên cạnh đó, kết quả ước lượng cũng cho thấy tác động tiêu cực từ lan tỏa ngược tới hiệu quả kỹ thuật, hiệu quả quy mô và tích cực tới tiến bộ công nghệ đối với doanh nghiệp siêu nhỏ, nhỏ và vừa. Tác động lan tỏa xuôi của FDI tới năng suất và tiến bộ công nghệ của doanh nghiệp trong nước là tiêu cực. Tuy nhiên lại tác động tích cực tới hiệu quả kỹ thuật và hiệu quả quy mô. Trong trường hợp doanh nghiệp lớn thì có tác động lan tỏa tích cực tới hiệu quả kỹ thuật.

#### 4.3. Tác động lan tỏa của FDI theo loại hình sở hữu doanh nghiệp

Để ước lượng tác động lan tỏa của FDI theo loại hình doanh nghiệp, nhóm nghiên cứu thực hiện phân chia mẫu doanh nghiệp thành hai nhóm và ước lượng riêng cho từng nhóm.

Hiện diện của doanh nghiệp FDI không ảnh hưởng đến năng suất của doanh nghiệp nhà nước nhưng tác động tiêu cực tới doanh nghiệp tư nhân. Tác động lan tỏa ngược từ FDI tới doanh nghiệp nhà nước là tích cực. Tác động này có ý nghĩa thống kê ở độ trễ đối với năng suất và hiệu quả kỹ thuật. Nó hàm ý rằng doanh

**Bảng 3. Tác động FDI tới lan tỏa năng suất theo loại hình sở hữu doanh nghiệp**

	DN nhà nước				DN tư nhân			
	TFP	TE	TC	SE	TFP	TE	TC	SE
HERFINDAH	-0.01 (0.01)	0.04*** (0.01)	-0.06** (0.03)	0.01 (0.01)	-0.08*** (0.00)	0.21*** (0.01)	-0.14*** (0.01)	0.04*** (0.00)
Tỷ lệ vốn/lao động	-0.00 (0.01)	0.01 (0.01)	-0.01 (0.02)	0.00 (0.01)	0.01*** (0.00)	0.02*** (0.00)	0.01*** (0.00)	-0.01*** (0.00)
Hiện diện DN FDI	-0.08 (0.30)	0.44 (0.35)	-0.02 (0.96)	0.08 (0.18)	-0.13*** (0.04)	-0.20*** (0.06)	-0.18 (0.12)	0.06* (0.03)
Độ trễ hiện diện DN FDI	-0.31 (0.20)	-0.95*** (0.34)	1.70 (1.40)	0.21 (0.32)	-0.04 (0.04)	-0.02 (0.05)	0.46*** (0.09)	-0.07*** (0.03)
Lan tỏa ngược	0.12 (0.30)	-0.50 (0.34)	0.36 (1.00)	-0.15 (0.20)	0.29*** (0.04)	-0.21*** (0.06)	0.47*** (0.12)	-0.14*** (0.04)
Độ trễ lan tỏa ngược	0.30* (0.18)	0.88*** (0.32)	-1.49 (1.28)	-0.23 (0.30)	0.05 (0.04)	0.02 (0.04)	-0.53*** (0.09)	0.08*** (0.03)
Lan tỏa xuôi	-0.05 (0.05)	0.03 (0.04)	-0.25** (0.10)	0.05* (0.03)	-0.17*** (0.01)	0.35*** (0.01)	-0.22*** (0.03)	0.07*** (0.01)
Độ trễ lan tỏa xuôi	0.00 (0.03)	0.07* (0.04)	-0.23 (0.22)	0.04 (0.03)	-0.03*** (0.00)	-0.05*** (0.01)	0.13*** (0.01)	-0.01*** (0.00)

Trong ngoặc đơn là sai số chuẩn; Mức ý nghĩa: \*\*\* p<0.01, \*\* p<0.05, \* p<0.1

Nguồn: Tính toán của các tác giả từ số liệu Điều tra Doanh nghiệp 2010-2018.

nghiệp nhà nước nhận được tác động lan tỏa ngược tích cực từ FDI làm tăng năng suất và tăng hiệu quả kỹ thuật nhưng không có tác động tích cực trong thay đổi công nghệ. Trong khi đó, doanh nghiệp tư nhân cũng nhận được hiệu ứng lan tỏa ngược tích cực từ FDI tới năng suất nhưng tiêu cực tới hiệu quả kỹ thuật, hiệu quả quy mô và tích cực tới tiến bộ công nghệ.

Tương tự, tác động lan tỏa xuôi không có ảnh hưởng tới năng suất của doanh nghiệp nhà nước nhưng có tác động tiêu cực tới năng suất của doanh nghiệp tư nhân. Xem xét cụ thể hơn có thể thấy tác động lan tỏa xuôi của FDI là tiêu cực đối với tiến bộ công nghệ, nhưng tích cực tới hiệu quả kỹ thuật (của doanh nghiệp tư nhân) và làm tăng hiệu quả quy mô.

Tác động lan tỏa tới TFP của FDI trong cùng ngành, doanh nghiệp tư nhân chịu tác động tiêu cực nhiều hơn so với doanh nghiệp nhà nước. Tuy nhiên, doanh nghiệp tư nhân lại nhận được tác động lan tỏa tiêu cực thấp hơn từ tác động liên kết xuôi và tác động lan tỏa tích cực thấp hơn từ liên kết ngược. Kết quả này chứng tỏ, mối liên kết sản xuất giữa FDI với doanh nghiệp tư nhân trong nước yếu hơn so với doanh nghiệp nhà nước. Nguyên nhân có thể do các doanh nghiệp tư nhân phần lớn quy mô nhỏ, đồng nghĩa với trình độ công nghệ thấp hơn và ít kinh nghiệm hơn, nên ít có cơ hội tiếp cận với FDI hơn trong các quan hệ cung ứng nguyên liệu, đầu vào trung gian cũng như phân phối sản phẩm.

#### 4.4. Tác động lan tỏa của FDI theo nguồn gốc đầu tư

**Bảng 4. Tác động FDI tới lan tỏa năng suất theo nguồn gốc đầu tư**

	Nhóm nước công nghệ cao				Nhóm nước công nghệ thấp				Nhóm khác			
	TFP	TE	TC	SE	TFP	TE	TC	SE	TFP	TE	TC	SE
Hiện diện DN FDI	-0.08 (0.09)	0.04 (0.15)	-0.05 (0.28)	-0.10 (0.09)	-0.11 (0.12)	-0.09 (0.16)	-0.59* (0.32)	0.17* (0.09)	0.33 (0.20)	0.32 (0.50)	-1.11 (0.75)	0.30 (0.19)
Độ trễ hiện diện DN FDI	0.07 (0.08)	0.34** (0.14)	-0.03 (0.34)	0.03 (0.11)	0.08 (0.08)	0.33*** (0.12)	-0.25 (0.33)	0.04 (0.09)	0.18 (0.32)	0.37 (0.52)	-1.28 (1.00)	0.28 (0.23)
Lan tỏa ngược	0.13 (0.10)	-0.01 (0.15)	0.24 (0.26)	0.03 (0.08)	0.21* (0.12)	0.06 (0.15)	0.73** (0.35)	-0.21** (0.10)	-0.34** (0.17)	-0.57 (0.45)	1.28* (0.73)	-0.33* (0.17)
Độ trễ lan tỏa ngược	-0.09 (0.08)	-0.40*** (0.15)	-0.06 (0.37)	-0.01 (0.13)	-0.09 (0.08)	-0.32*** (0.11)	0.09 (0.29)	-0.00 (0.08)	-0.16 (0.29)	-0.42 (0.44)	1.42 (0.94)	-0.29 (0.20)
Lan tỏa xuôi	-0.08*** (0.03)	-0.01 (0.05)	-0.21*** (0.07)	0.07*** (0.03)	-0.10** (0.04)	0.05 (0.07)	-0.15 (0.11)	0.05 (0.03)	0.03 (0.06)	0.26* (0.14)	-0.14 (0.22)	0.02 (0.06)
Độ trễ lan tỏa xuôi	0.01 (0.02)	0.09*** (0.03)	0.02 (0.07)	-0.01 (0.02)	0.01 (0.02)	0.02 (0.04)	0.14** (0.07)	-0.05** (0.02)	-0.02 (0.06)	0.09 (0.11)	-0.20 (0.18)	0.02 (0.06)

Trong ngoặc đơn là sai số chuẩn; Mức ý nghĩa: \*\*\* p<0.01, \*\* p<0.05, \* p<0.1

Nguồn: Tính toán của các tác giả từ số liệu Điều tra Doanh nghiệp 2010-2018.

Tác động lan tỏa của doanh nghiệp FDI tới doanh nghiệp trong nước ở các nước quốc gia khác nhau sẽ có tác động khác nhau. Do đó, để làm rõ tác động lan tỏa của FDI theo xuất xứ tới năng suất của doanh nghiệp trong nước, nhóm nghiên cứu thực hiện phân chia theo nhóm nước đầu tư ở Việt Nam. Trong đó, nhóm nước công nghệ cao bao gồm Mỹ, Nhật Bản, EU và Hàn Quốc; nhóm nước có công nghệ thấp như Trung Quốc, Hồng Kông và Đài Loan; và nhóm khác. Kết quả thu được từ mô hình ước lượng cũng cho thấy sự hiện diện của doanh nghiệp FDI có tác động lan tỏa tiêu cực tới doanh nghiệp trong nước. Tuy nhiên, tác động lan tỏa ngược tích cực từ doanh nghiệp FDI tới doanh nghiệp trong nước dường như chỉ thu được từ các doanh nghiệp ở các nước có công nghệ thấp, các doanh nghiệp ở các nước có công nghệ cao gần như không tạo ra hiệu ứng lan tỏa ngược. Trong khi đó, hiệu ứng lan tỏa xuôi tác động tiêu cực lại chủ yếu đến từ các doanh nghiệp FDI của các nước có công nghệ cao. Điều này đã được giải thích ở trên là do doanh nghiệp trong nước rất ít khi mua đầu vào trung gian của doanh nghiệp FDI, đặc biệt là các doanh nghiệp FDI ở các nước có công nghệ cao.

#### 4.5. Tác động lan tỏa của FDI theo hình thức đầu tư

Kết quả ước lượng trong trường hợp phân chia FDI thành hai nhóm, liên doanh và 100% vốn nước ngoài, cho thấy khối 100% vốn nước ngoài có tác động khá tiêu cực tới TFP của doanh nghiệp trong nước, nhưng



tác động tích cực tới hiệu quả kỹ thuật, tuy nhiên không có tác động tới hiệu quả quy mô.

Tác động lan tỏa đều tiêu cực, đối với cả liên kết ngược và xuôi từ hình thức liên doanh. Doanh nghiệp trong nước cũng không nhận được tác động hiệu quả theo quy mô. Đây là một bằng chứng về mối liên kết rất kém giữa doanh nghiệp trong nước và các liên doanh. Điều này cho thấy các doanh nghiệp trong nước khác hầu như không những không được hưởng lợi gì từ các liên doanh này, mà còn có thể bị chịu tác động tiêu cực do hiện tượng chảy máu chất xám hoặc vấn đề “loại trừ”. Kết quả này cho thấy chính sách khuyến khích hình thành các liên doanh không mang lại hiệu quả như kỳ vọng.

**Bảng 5. Tác động của FDI theo hình thức đầu tư**

	Liên doanh				100% vốn nước ngoài			
	TFP	TE	TC	SE	TFP	TE	TC	SE
Hiện diện DN FDI	-0.06 (0.07)	0.09 (0.12)	-0.32 (0.22)	0.04 (0.07)	-0.07*** (0.01)	-0.07 (0.31)	0.54 (0.81)	-0.10 (0.27)
Độ trễ hiện diện DN FDI	0.07 (0.06)	0.31*** (0.09)	0.06 (0.20)	-0.04 (0.05)	0.02* (0.01)	0.17 (0.25)	-0.26 (1.24)	0.16 (0.45)
Lan tỏa ngược	0.12* (0.07)	-0.05 (0.11)	0.51** (0.21)	-0.10 (0.07)	-0.03 (0.21)	-0.13 (0.35)	-0.50 (0.90)	0.06 (0.30)
Độ trễ lan tỏa ngược	-0.09 (0.06)	-0.33*** (0.09)	-0.14 (0.19)	0.07 (0.05)	0.01 (0.13)	-0.22 (0.28)	0.07 (1.53)	-0.10 (0.56)
Lan tỏa xuôi	-0.09*** (0.02)	-0.03 (0.04)	-0.19*** (0.07)	0.06*** (0.02)	-0.06 (0.06)	0.21* (0.11)	-0.04 (0.19)	0.03 (0.06)
Độ trễ lan tỏa xuôi	0.00 (0.01)	0.05** (0.02)	0.03 (0.04)	-0.02 (0.01)	-0.05 (0.04)	0.09 (0.07)	0.09 (0.34)	-0.04 (0.12)

Trong ngoặc đơn là sai số chuẩn; Mức ý nghĩa: \*\*\* p<0.01, \*\* p<0.05, \* p<0.1  
 Nguồn: Tính toán của tác giả từ số liệu Điều tra Doanh nghiệp 2010-2018.

#### 4.6. Tác động lan tỏa của FDI theo trình độ công nghệ

Các doanh nghiệp trong nước có trình độ công nghệ khác nhau sẽ có khả năng hấp thụ hay thu được lợi ích lan tỏa từ FDI khác nhau. Theo đó, chúng tôi phân chia thành 3 nhóm khác nhau: trình độ công nghệ thấp, trung bình và cao.

Kết quả cho thấy sự hiện diện của doanh nghiệp FDI có tác động tiêu cực tới nhóm trình độ công nghệ trung bình và cao nhưng tích cực tới nhóm trình độ thấp. Tác động lan tỏa ngược của FDI là tích cực đối với năng suất của doanh nghiệp có trình độ trung bình và cao, nhưng tiêu cực đối với nhóm trình độ thấp. Tác động

**Bảng 6. Tác động FDI tới lan tỏa năng suất theo trình độ công nghệ**

	Trình độ công nghệ thấp				Trình độ công nghệ trung bình				Trình độ công nghệ cao			
	TFP	TE	TC	SE	TFP	TE	TC	SE	TFP	TE	TC	SE
Hiện diện DN FDI	0.18* (0.11)	0.32** (0.16)	0.11 (0.12)	0.00 (0.03)	-0.02 (0.07)	-0.19*** (0.05)	-0.22 (0.15)	0.06 (0.05)	-0.17 (0.11)	-0.30*** (0.10)	-1.81** (0.90)	0.46** (0.21)
Độ trễ hiện diện DN FDI	-0.29*** (0.09)	-0.23** (0.11)	0.51*** (0.10)	-0.14*** (0.03)	0.10** (0.04)	-0.02 (0.05)	0.53*** (0.13)	-0.13*** (0.04)	0.04 (0.05)	-0.03 (0.06)	-0.68 (0.71)	0.02 (0.21)
Lan tỏa ngược	-0.52*** (0.10)	-1.06*** (0.16)	-0.03 (0.12)	-0.03 (0.03)	0.53*** (0.06)	0.21*** (0.04)	0.36** (0.15)	-0.09* (0.05)	0.83*** (0.10)	0.27*** (0.10)	2.49*** (0.95)	-0.56** (0.22)
Độ trễ lan tỏa ngược	0.27*** (0.09)	0.25** (0.10)	-0.57*** (0.10)	0.14*** (0.03)	-0.09** (0.04)	0.02 (0.05)	-0.58*** (0.13)	0.14*** (0.04)	-0.09* (0.05)	0.01 (0.06)	0.67 (0.72)	-0.03 (0.21)
Lan tỏa xuôi	0.34*** (0.02)	0.73*** (0.03)	-0.05* (0.03)	0.02** (0.01)	-0.53*** (0.02)	-0.08*** (0.01)	-0.08** (0.03)	0.02 (0.01)	-0.68*** (0.03)	-0.04*** (0.01)	-0.60*** (0.18)	0.09** (0.04)
Độ trễ lan tỏa xuôi	0.01 (0.01)	-0.05*** (0.02)	0.13*** (0.02)	-0.02*** (0.01)	-0.01*** (0.01)	-0.03*** (0.01)	0.09*** (0.02)	-0.02*** (0.01)	0.09*** (0.01)	-0.01 (0.01)	-0.14 (0.09)	0.04 (0.03)

Trong ngoặc đơn là sai số chuẩn; Mức ý nghĩa: \*\*\* p<0.01, \*\* p<0.05, \* p<0.1  
 Nguồn: Tính toán của tác giả từ số liệu Điều tra Doanh nghiệp 2010-2018.

---

lan tỏa xuôi là tiêu cực đối với doanh nghiệp có trình độ trung bình và cao, trong khi lại có tác động tích cực tới năng suất của các doanh nghiệp có trình độ thấp.

## 5. Kết luận

Như vậy, những kết quả thu được ở trên đã đưa ra những bằng chứng về lan tỏa của FDI tới các doanh nghiệp là rất khác nhau về quy mô, sở hữu và hình thức đầu tư. Trong khi tác động tích cực từ liên kết ngược được tìm thấy ở hầu hết các ước lượng, ảnh hưởng của nó không đủ để bù đắp cho tác động tiêu cực từ FDI cùng ngành và FDI ở thượng nguồn. Tuy vậy, tác động tích cực nhờ liên kết ngược là khá lớn đối với hiệu quả kỹ thuật cũng như hiệu quả quy mô của doanh nghiệp trong nước. Đây được coi là kết quả tích cực của FDI xét từ hiệu quả kinh tế gián tiếp. Tuy nhiên, có sự khác nhau về mức độ tác động tổng thể của FDI tới doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp tư nhân. Doanh nghiệp nhà nước nhận được tác động tích cực, trong khi đó doanh nghiệp tư nhân lại nhận tác động tiêu cực, ngay cả khi phân tách tác động theo liên kết xuôi và ngược.

Sự hiện diện của các doanh nghiệp FDI có tác động tiêu cực tới nhóm doanh nghiệp trong nước có trình độ công nghệ trung bình và cao nhưng lại có tác động tích cực tới nhóm có trình độ công nghệ thấp. Nguyên nhân có thể là do các doanh nghiệp FDI vào Việt Nam chủ yếu tập trung các ngành công nghiệp chế biến, chế tạo là các ngành có trình độ công nghệ tương đối cao. Bên cạnh đó, sự cạnh tranh của các doanh nghiệp FDI cũng chủ yếu tập trung vào các doanh nghiệp có trình độ công nghệ trung bình trở lên. Do vậy, các doanh nghiệp có trình độ công nghệ thấp ít bị cạnh tranh hơn từ các doanh nghiệp FDI và thậm chí còn được hưởng lợi từ kênh lan tỏa xuôi.

Những phát hiện nêu trên cho thấy rằng những chính sách hỗ trợ từ phía nhà nước trong việc tạo dựng và phát triển liên kết giữa khu vực FDI với khu vực doanh nghiệp trong nước cần phù hợp với từng nhóm đối tượng doanh nghiệp khác nhau thay vì những chính sách dàn trải, đồng đều cho tất cả các doanh nghiệp. Hệ thống chính sách hiện tại về cơ bản đảm bảo bình đẳng cho tất cả các doanh nghiệp nhưng không thực sự hiệu quả khi xem xét đến đặc thù của từng nhóm khác nhau, đặc biệt là khu vực doanh nghiệp ngoài Nhà nước.

## Tài liệu tham khảo

- Aitken, Brian, J. & Harrison, Ann E. (1999), 'Do Domestic Firms Benefit from Direct Foreign Investment? Evidence from Venezuela', *American Economic Review*, 89(3), 605-618.
- Alfaro, L., Chanda, A., Kalemli-Ozcan, S. & Sayek, S. (2004), 'FDI and economic growth: The role of local financial markets', *Journal of International Economics*, 64(1), 89-112.
- Arellano, M. & Bond, S. (1991), 'Some Tests of Specification for Panel Data: Monte Carlo Evidence and an Application to Employment Equations', *Review of Economic Studies*, 58(2), 277-297.
- Blalock, G. & Gertler, P. (2008), 'Welfare gains from foreign direct investment through technology transfer to local suppliers', *Journal of International Economics*, 74(2), 402-421.
- Crespo, N. & Fontoura, M.P. (2007), 'Determinant factors of FDI spillovers-what do we really know?', *World Development*, 35(3), 410-425.
- Driffield, Nigel L. & Love, James H. (2006), 'Does the motivation for foreign direct investment affect productivity spillovers to the domestic sector?', *Applied Economics Quarterly*, 52(1), 3-28.
- Haskel, J., Pereira, S. & Slaughter, M. (2002), 'Does Inward Foreign Direct Investment Boost the Productivity of Domestic Firms?', *National Bureau of Economic Research*, Cambridge, MA, Working Paper No. 8724, January 2002.
- Hồ Đình Bảo (2020), 'Phát triển khu vực đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) trong thực hiện chiến lược phát triển bền vững của Việt Nam', Báo cáo nghiên cứu khoa học, Mã số: KX.01.28/16-20 thuộc chương trình KH&CN trọng điểm cấp nhà nước KX.01/16-20.
- Hoang, V.T. & Pham, T.H. (2010), 'Productivity Spillovers from Foreign Direct Investment: The Case of Vietnam', in Hahn, C.H. & Narjoko, D. (eds.), *Causes and Consequences of Globalization in East Asia: What Do the Micro Data Analyses Show?* ERIA Research Project Report 2009-2, Jakarta: ERIA, 228-246.
- Javorcik, B. (2004), 'Does foreign direct investment increase the productivity of domestic firms? In search of spillovers through backward linkages', *American Economic Review*, 94(3), 605-627.

- 
- Keller, W. & Yeaple, S. (2003), 'Multinational Enterprises, International Trade and Productivity Growth: Firm Level Evidence from the United States', *National Bureau of Economic Research*, Cambridge, MA, Working Paper No. 9504, February 2003.
- Lê Quốc Hội (2008), 'Lan tỏa công nghệ từ đầu tư trực tiếp nước ngoài ở Việt Nam: ước lượng và kiểm định ở ngành công nghiệp chế biến', *Tạp chí Kinh tế và Phát triển*, 135.
- Leshner, M. & Miroudot, S. (2008), 'FDI spillovers and their interrelationships with trade', *OECD Trade Policy Working Papers 80*, OECD, Trade Directorate.
- Liang, F.H. (2017), 'Does foreign direct investment improve the productivity of domestic firms? Technology spillovers, industry linkages, and firm capabilities', *Research Policy*, 46(1), 138-159.
- Lin, P., Liu, Z. & Zhang, Y. (2009), 'Do Chinese domestic firms benefit from FDI inflow? Evidence of horizontal and vertical spillovers', *China Economic Review*, 20(4), 677-691.
- Lin, Ping, & Saggi, Kamal (2005), 'Multinational Firms and Backward Linkages: A Critical Survey and a Simple Model', In Moran, Theodore H., Graham, Edward M. & Blomstrom, Magnus, *Does Foreign Direct Investment Promote Development?*, 159-74. Washington, DC: Center for Global Development.
- Liu, X., Siler, P., Wang, C. & Wei, Y. (2000), 'Productivity spillovers from foreign direct investment: evidence from UK industry level panel data', *Journal of International Business Studies*, 31(3), 407-425.
- Narula, R. & Marin, A. (2003), 'FDI spillovers, absorptive capacities and human capital development: Evidence from Argentina', Research Memoranda 018, Maastricht Economic Research Institute on Innovation and Technology.
- Nguyen Dinh Chuc, Simpson, G., Saal, D., Nguyen Ngoc Anh & Pham Quang Ngoc (2008), *FDI Horizontal and Vertical Effects on Local Firm Technical Efficiency*, Development and Policies Research Center (Depocen), Hanoi, Vietnam.
- Nguyen Phi Lan (2008), *Productivity Spillovers from Foreign Direct Investment: Evidence from Vietnamese Firm Data*, School of Commerce, University of South Australia.
- Nguyễn Thị Tuệ Anh (2009), *Đầu tư trực tiếp nước ngoài và chuyển giao công nghệ ở Việt Nam: Nghiên cứu trường hợp của khu công nghiệp Quế Võ, Bắc Ninh*, WorldBank Working Paper.
- Nguyễn Thị Tuệ Anh (2015), 'Nghiên cứu điều chỉnh chính sách đầu tư trực tiếp nước ngoài ở Việt Nam đến năm 2020', Báo cáo nghiên cứu khoa học, Mã số: KX.01.03/11-15 thuộc chương trình KH&CN trọng điểm cấp nhà nước KX.01/11-15.
- Sawada, N. (2010), 'Technology gap matters on spillover', *Review of Development Economics*, 14(1), 103-120.

---

# TÁC ĐỘNG CỦA CÁC CÔNG CỤ AN TOÀN VĨ MÔ TÍN DỤNG ĐẾN RỦI RO HỆ THỐNG TẠI CÁC NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI VIỆT NAM

**Đỗ Thu Hằng**

*Học viện Ngân hàng*

*Email: hangdo@hvn.edu.vn*

**Phạm Thị Hoàng Anh**

*Học viện Ngân hàng*

*Email: anhpth@hvn.edu.vn*

Ngày nhận: 01/10/2020

Ngày nhận bản sửa: 13/10/2020

Ngày duyệt đăng: 05/11/2020

## **Tóm tắt:**

*Bài viết nghiên cứu tác động của các công cụ an toàn vĩ mô tín dụng đến rủi ro hệ thống tại các ngân hàng thương mại niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam trong giai đoạn tháng 06 năm 2009 đến 2019. Nhóm tác giả sử dụng phương pháp SRISK để đo lường rủi ro hệ thống, đồng thời sử dụng phương pháp hồi quy bảng không cân bằng để đánh giá tác động của các công cụ. Kết quả nghiên cứu cho thấy, khi sử dụng các công cụ riêng lẻ có thể không phát huy được hiệu lực nhưng khi kích hoạt đồng thời thì các công cụ này đã có tác động giảm thiểu rủi ro hệ thống tại các ngân hàng thương mại. Từ đó, các tác giả đưa ra một số khuyến nghị nhằm tăng cường hiệu lực của các công cụ vĩ mô này.*

**Từ khóa:** Công cụ an toàn vĩ mô tín dụng, rủi ro hệ thống, SRISK, Việt Nam.

**Mã JEL:** C22, C23, G21, G38.

## **The impact of the credit macroprudential policy instruments on the systemic risk of Vietnam commercial banks**

### **Abstract**

*The paper examines the impact of credit macroprudential policy instruments on the systemic risk of Vietnam listed commercial banks from June 2009 to 2019. We employ the SRISK method to measure systemic risk of commercial banks and the unbalanced panel data regression approach to assess the impact of these instruments. The results indicate that individual tools may not be effective, but when being activated at the same time, these tools had a downward effect on systemic risk of commercial banks. Based on the findings, some recommendations are proposed to enhance the effectiveness of these macroprudential tools.*

**Keywords:** Credit macroprudential policy instruments, systemic risk, SRISK, Vietnam.

**JEL Codes:** C22, C23, G21, G38.

## **1. Giới thiệu**

Trước cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu 2007 – 2008, các cơ quan giám sát chỉ quan tâm đến các rủi ro riêng lẻ (Meuleman & Vander Vennet, 2020) và hoạt động giám sát ngân hàng giai đoạn đó cũng tập trung chủ yếu vào khía cạnh vi mô, nghĩa là đảm bảo sự an toàn, lành mạnh và hạn chế rủi ro của từng tổ chức tài chính (International Monetary Fund, 2013). Tuy nhiên, cuộc khủng hoảng 2008 và những vụ việc như Lehman Brothers đã chứng minh rằng sự thất bại của một ngân hàng có thể khiến toàn bộ hệ thống trở nên không ổn định và việc giữ cho các tổ chức tài chính riêng lẻ hoạt động tốt không phải là điều kiện đủ để đảm bảo sự ổn định tài chính (Meuleman & Vander Vennet, 2020). Trong bối cảnh đó, các công cụ an toàn vĩ mô đã trở nên nổi bật trong việc phòng ngừa và hạn chế rủi ro hệ thống của khu vực ngân hàng (Borio,